



**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT**

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
QUÝ IV/2014**

THÁNG 2/2015



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên  
 Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
 Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
1	2	3	4	4
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>417 342 499 413</b>	<b>201 097 764 521</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>298 740 078 905</b>	<b>60 290 195 658</b>
1. Tiền	111	V.01	15 112 023 349 /	20 840 195 658
2. Các khoản tương đương tiền	112		283 628 055 556 /	39 450 000 000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>79 100 000 000</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		79 100 000 000 /	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34 332 534 430</b>	<b>128 592 415 445</b>
1. Phải thu khách hàng	131		65 720 830	28 948 343
2. Trả trước cho người bán	132		29 166 884 651 /	5 175 741 768
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	5 099 928 949	123 387 725 334
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>523 432 038</b>	<b>435 117 672</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	523 432 038 /	435 117 672
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4 646 454 040</b>	<b>11 780 035 746</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			903 797 727
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		382 759 007 /	630 173 431
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	4 037 139 468 /	10 105 399 073
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		226 555 565 /	140 665 515
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7 952 916 463 492</b>	<b>8 197 853 334 631</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			<b>448 979 590 000</b>
4. Phải thu dài hạn khác (*)	218	V.07		448 979 590 000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52 473 828 613</b>	<b>42 937 554 013</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	19 960 556 125	10 740 750 233
- Nguyên giá	222		45 036 294 159 /	36 979 620 259
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		- 25 075 738 034 /	- 26 238 870 026
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	29 189 433 329	29 776 633 682
- Nguyên giá	228		31 110 496 640 /	31 110 496 640
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		- 1 921 063 311 /	- 1 333 862 958
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3 323 839 159	2 420 170 098
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>222 056 574 478</b>	<b>235 017 927 286</b>
- Nguyên giá	241		259 227 056 200 /	259 227 056 200
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		- 37 170 481 722 /	- 24 209 128 914
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7 675 952 203 801</b>	<b>7 468 698 437 533</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		7 590 768 437 533 /	7 460 768 437 533
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5 730 000 000 /	7 230 000 000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	191 200 000 000 /	700 000 000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		- 111 746 233 732 /	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2 433 856 600</b>	<b>2 219 825 799</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2 429 856 600 /	2 215 825 799
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		4 000 000 /	4 000 000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN( 270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>8 370 258 962 905</b>	<b>8 398 951 099 152</b>





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

NGUỒN VỐN		31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>129 219 019 165</b>	<b>581 248 111 090</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>129 219 019 165</b>	<b>132 268 521 090</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 V.15		100 000 000 000
2. Phải trả người bán	312	4 008 594 878 ✓	1 289 577 635
3. Người mua trả tiền trước	313		
4. Doanh thu chưa thực hiện			
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.16	49 546 584 ✓	62 793 357
6. Phải trả người lao động	315	1 066 786 500 ✓	891 695 000
7. Chi phí phải trả	316 V.17		
8. Phải trả nội bộ	317		
9. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 V.18	1 613 115 400 ✓	3 276 824 458
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	122 480 975 803 ✓	26 747 630 640
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>448 979 590 000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332 V.19		
3. Phải trả dài hạn khác (*)	333		448 979 590 000
4. Vay và nợ dài hạn	334 V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335 V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)</b>	<b>400</b>	<b>8 241 039 943 740</b>	<b>7 817 702 988 062</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>8 241 039 943 740</b>	<b>7 817 702 988 062</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4 819 081 750 000 ✓	4 190 525 330 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2 207 350 817 068 ✓	2 207 350 817 068
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4. Cổ phiếu quỹ	414		
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	210 868 755 750 ✓	151 441 755 750
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	1 003 738 620 922 ✓	1 268 385 085 244
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>8 370 258 962 905</b>	<b>8 398 951 099 152</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
1. Nhận ủy thác đầu tư		448 979 590 000	
2. Thực hiện đầu tư theo ủy thác		448 979 590 000	

(\*) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Công ty nhận ủy thác của một pháp nhân khác để đầu tư vào Công ty Cổ phần phát triển đô thị Vinaconex- Viettel. Công ty xác định lại khoản đầu tư này không thuộc tài sản của Công ty. Mọi trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này đều không thuộc về Công ty. Vì vậy khoản đầu tư này sẽ được phản ánh tại Bảng chỉ tiêu ngoài bảng Cân đối kế toán.

Người lập biểu

Hoàng Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Lý Thị Ngạn

Lập ngày 06 tháng 2 năm 2015  
Tổng Giám đốc   
  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Tuấn Dương



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 4/2014

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2014	Quý 4/2013	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2014	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2013
			4	5	6	7
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	2	3				
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	01	VI.25	6 447 021 000	8 043 240 000	29 442 756 667	32 147 880 000
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	02	VI.26				
4 Giá vốn hàng bán	10	VI.27	6 447 021 000	8 043 240 000	29 442 756 667	32 147 880 000
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	11	VI.27	3 240 338 202	3 240 338 202	12 961 352 808	12 961 352 808
6 Doanh thu hoạt động tài chính	20	VI.28	3 206 682 798	4 802 901 798	16 481 403 859	19 186 527 192
Trong đó: Công ty con chuyển LN	21	VI.28	106 167 437 485	296 082 919 167	1 306 874 480 387	1 319 613 824 602
7 Chi phí tài chính	22	VI.29	100 000 000 000	294 890 000 000	1 280 391 606 669	1 293 260 439 530
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	VI.29	111 746 233 732	2 416 373 157	112 170 423 177	33 200 122 370
8 Chi phí bán hàng	24		2 414 835 343	2 414 835 343	424 189 445	33 198 584 556
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10 279 346 850	6 931 116 280	31 855 489 405	27 128 881 781
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+ (21-22)-(24+25)}	30		- 12 651 460 299	291 538 331 528	1 179 329 971 664	1 278 471 347 643
11 Thu nhập khác	31	VI.30	1 762 158 028	9 077 684 008	17 087 860 027	21 939 485 136
12 Chi phí khác	32	VI.31	348 011 658	507 287 549	1 814 692 743	2 553 573 381
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1 414 146 370	8 570 396 459	15 273 167 284	19 385 911 755
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		- 11 237 313 929	300 108 727 987	1 194 603 138 948	1 297 857 259 398
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.32	342 842 216	1 090 760 902	6 068 259 605	1 261 424 409
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		- 11 580 156 145	299 017 967 085	1 188 534 879 343	1 296 595 834 989

Lập ngày 06 tháng 2 năm 2015  
 Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC  
 Trần Xuân Dương

Kế toán trưởng



Lý Thị Ngân

Người lập biểu



Hoàng Thị Thanh Hương





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Từ ngày 01/1/2014 đến 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1,194,603,138,948	1,297,857,259,398
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ (+)	02	19,171,390,357	19,695,187,793
- Các khoản dự phòng (+)	03	111,746,233,732	
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(256,016)	1,537,814
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,309,686,525,983)	(1,319,672,969,530)
- Chi phí lãi vay (+)	06	424,189,445	33,198,584,556
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16,258,170,483	31,079,600,031
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(24,078,182,406)	(3,482,676,495)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(32,218,266)	(8,455,622)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	2,274,264,023	(8,924,527,815)
- (Tăng) giảm chi phí trả trước	12	1,070,899,011	2,216,656,275
- Tiền lãi vay đã trả (-)	13	(1,481,300,556)	(45,629,601,298)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp (-)	14		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (+)	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (-)	17	(40,885,779,002)	(28,782,107,955)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(46,874,146,713)	(53,531,112,879)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16,298,238,722)	(31,212,377,024)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2,927,000,000	591,363,636
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(279,600,000,000)	
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10,000,000,000	353,000,000,000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(130,000,000,000)	(866,337,200,000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1,500,000,000	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,425,356,210,166	789,152,208,474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,013,884,971,444	245,193,995,086
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	162,850,000,000	439,700,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(262,850,000,000)	(410,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(628,561,197,500)	(418,878,133,450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(728,561,197,500)	(389,178,133,450)
Tăng lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	238,449,627,231	(197,515,251,243)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	60,290,195,658	257,805,636,347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	256,016	(189,446)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	298,740,078,905	60,290,195,658

Người lập biểu

Hoàng Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Lý Thị Ngạn



Lập ngày 06 tháng 2 năm 2015

Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Xuân Dương



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỪ 01/10/2014 ĐẾN 31/12/2014

### I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1- Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần
- 2- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh
- 3- Ngành nghề kinh doanh:
  - Đầu tư tài chính; Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị; Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng và gia đình, trường học;
  - Sản xuất các sản phẩm cơ khí; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện;
  - Sản xuất kinh doanh các loại máy xâu đục và máy khai thác mỏ;
  - Sản xuất kinh doanh , lắp ráp, đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điều hòa;
  - Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ cho thuê nhà văn phòng, tài sản;
  - Dịch vụ vận tải và cho thuê phương tiện vận tải
  - Sản xuất và buôn bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
  - Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép; sản xuất cán kép thép, tôn lợp;
  - Khai thác quặng kim loại; mua bán kim loại, quặng kim loại, sắt thép phế liệu;
  - Luyện gang thép, đúc gang, sắt thép; sản xuất ống thép không mạ, ống inox;
  - Kinh doanh dịch vụ kho bãi;

### II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1- Kỳ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VN đồng

### III- CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1- Chế độ kế toán áp dụng:  
Chế độ kế toán Doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
- 2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:  
Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- 3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

### IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền  
Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền Việt Nam Đồng là lấy tỉ giá bán ra của Ngân hàng ngoại thương tại thời điểm thực tế.



## 2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kế khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ ( Hữu hình, vô hình, thuê tài chính): TSCĐ phản ánh theo nguyên giá, trong bảng Bảng cân đối kế toán phản ánh 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

## 4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo chi phí phát sinh ban đầu ( giá mua và chi phí liên quan đến quyền sở hữu bất động sản).
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng

## 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của quỹ dự trữ sau khi mua được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cán trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

## 6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay; chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.



## 7- Nguyên tắc ghi nhận vốn hoá các khoản chi phí khác:

- *Chi phí trả trước*: Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

## 8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

### 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng:

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

### 10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- *Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu*: Được ghi nhận theo số vốn góp thực góp của chủ sở hữu.
- *Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá*: vào cuối năm tài chính Công ty đã đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
- *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp.

### 11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- *Doanh thu bán hàng*: được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*; khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

- 12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:** Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.
- 13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:** Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế; số chuyển lỗ chuyển vào năm hiện tại, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các chính sách ưu đãi được áp dụng tại đơn vị; Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập DN

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: đồng*

	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2013</i>
<b>01- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt	239,028,617	58,657,989
- Tiền gửi ngân hàng	14,872,994,732	20,781,537,669
- Các khoản tương đương tiền	<u>283,628,055,556</u>	<u>39,450,000,000</u>
	<u><b>298,740,078,905</b></u>	<u><b>60,290,195,658</b></u>

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2014 có số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác xấp xỉ 43 triệu VND (31/12/2013: 44 triệu VND)

	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2013</i>
<b>03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Lãi tiền gửi Ngân hàng, cho vay	4,638,660,039	120,645,834
- Phải thu cổ tức		123,000,000,000
- Phải thu khác	<u>461,268,910</u>	<u>267,079,500</u>
	<u><b>5,099,928,949</b></u>	<u><b>123,387,725,334</b></u>

	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2013</i>
<b>04- Hàng tồn kho</b>		
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ	119,325,281	31,010,915
- Hàng hoá	<u>404,106,757</u>	<u>404,106,757</u>
	<u><b>523,432,038</b></u>	<u><b>435,117,672</b></u>





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

## 05- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:

	31/12/2014	31/12/2013
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp trước	4,037,139,468	10,094,029,899
- Thuế thu nhập cá nhân nộp trước		
- Thuế giá trị gia tăng	-	11,369,174
- Thuế nhập khẩu nộp trước		
- Các khoản khác phải thu Nhà nước		
	<u>4,037,139,468</u>	<u>10,105,399,073</u>

## 07- Phải thu dài hạn khác

	31/12/2014	31/12/2013
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Phải thu dài hạn khác		
	<u>0</u>	<u>448,979,590,000</u>
		<u>448,979,590,000</u>



**08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
<b>Số dư đầu quý</b>	<b>1,502,945,455</b>	<b>27,369,174,722</b>	<b>13,074,258,506</b>	<b>41,946,378,683</b>
- Tăng trong kỳ				
- Đầu tư XD/CB hoàn thành			3,089,915,476	-
- Thanh lý, nhượng bán				3,089,915,476
- Giảm khác				-
- Chuyển sang BDS đầu tư				-
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>1,502,945,455</b>	<b>27,369,174,722</b>	<b>16,164,173,982</b>	<b>45,036,294,159</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư đầu quý</b>	<b>569,735,440</b>	<b>13,484,814,196</b>	<b>9,611,771,275</b>	<b>23,666,320,911</b>
- Khấu hao trong kỳ	59,681,625	874,048,020	475,687,478	-
- Thanh lý, nhượng bán				1,409,417,123
- Giảm khác				-
- Chuyển sang BDS đầu tư				-
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>629,417,065</b>	<b>14,358,862,216</b>	<b>10,087,458,753</b>	<b>25,075,738,034</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>				
<b>Tại ngày đầu quý</b>	<b>933,210,015</b>	<b>13,884,360,526</b>	<b>3,462,487,231</b>	<b>18,280,057,772</b>
<b>Tại ngày cuối quý</b>	<b>873,528,390</b>	<b>13,010,312,506</b>	<b>6,076,715,229</b>	<b>19,960,556,125</b>

- Nguyên giá TSCĐ HH đến hết ngày 31/12/2014 có các tài sản trị giá: 10.278 triệu vnd đã khấu hao hết (31/12/2013: 2.406 triệu vnd) nhưng vẫn còn được sử dụng



**10- Tăng, giảm TSCĐ vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
<b>Số dư đầu quý</b>	<b>28,755,408,500</b>	<b>2,355,088,140</b>	<b>31,110,496,640</b>
- Mua trong quý			
- Chuyển sang từ chi phí xcbdd			
- Biến động khác			
- Giảm khác			
- Phân loại lại			
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>28,755,408,500</b>	<b>2,355,088,140</b>	<b>31,110,496,640</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu quý</b>			
- Khấu hao trong quý		<b>1,792,674,318</b>	<b>1,792,674,318</b>
- Tăng khác		<i>128,388,993</i>	<i>128,388,993</i>
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
<b>Số dư cuối quý</b>		<b>1,921,063,311</b>	<b>1,921,063,311</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
<b>Tại ngày đầu quý</b>	<b>28,755,408,500</b>	<b>562,413,822</b>	<b>29,317,822,322</b>
<b>Tại ngày cuối quý</b>	<b>28,755,408,500</b>	<b>434,024,829</b>	<b>29,189,433,329</b>

**12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:**

	Nhà cửa	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/10/2014	259,227,056,200	259,227,056,200
Tăng trong kỳ		-
Tại ngày 31/12/2014	<u>259,227,056,200</u>	<u>259,227,056,200</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/10/2014	33,930,143,520	33,930,143,520
Khấu hao trong kỳ	3,240,338,202	3,240,338,202
Tại ngày 31/12/2014	<u>37,170,481,722</u>	<u>37,170,481,722</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 1/10/2014	<u>225,296,912,680</u>	<u>225,296,912,680</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>222,056,574,478</u>	<u>222,056,574,478</u>

**13- Đầu tư dài hạn khác:**

	31/12/2014	1/1/2014
- Đầu tư dài hạn khác	191,200,000,000	700,000,000
	<u>191,200,000,000</u>	<u>700,000,000</u>

**14- Chi phí trả trước dài hạn**

Nội dung	công cụ và dụng cụ	Chi phí sửa chữa lớn	Chi phí khác	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	1,160,689,497	875,866,809	-	2,036,556,305
Tăng trong kỳ	854,667,504	205,888,105	113,636,364	1,174,191,973
Giảm khác				-
Chuyển từ TSCDHH				-
Phân bổ trong kỳ	(635,741,150)	(140,415,680)	(4,734,849)	(780,891,678)
Số dư cuối kỳ	1,379,615,851	941,339,234	108,901,516	2,429,856,600

**15- Vay và nợ ngắn hạn**

- Vay ngắn hạn
- Nợ dài hạn đến hạn trả

31/12/2014

31/12/2013

<u>0</u>	<u>100,000,000,000</u>
<u><u>0</u></u>	<u><u>100,000,000,000</u></u>

**Thuế và các khoản phải nộp**

**16- nhà nước**

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế xuất nhập khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Khác

31/12/2014

31/12/2013

49,546,584	62,793,357
<u>49,546,584</u>	<u>62,793,357</u>

**17- Chi phí phải trả**

- Trích trước chi phí lãi vay
- Trích trước chi phí dịch vụ
- Chi phí vận chuyển
- Các khoản khác

31/12/2014

31/12/2013

<u>0</u>	<u>0</u>
<u><u>0</u></u>	<u><u>0</u></u>





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

<b>18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
- Phải trả cổ tức	-	907,020,000
- Lãi vay phải trả		1,057,111,111
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
	<u>1,613,115,400</u>	<u>1,312,693,347</u>
	<u><b>1,613,115,400</b></u>	<u><b>3,276,824,458</b></u>
<b>20- Vay dài hạn</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
- Vay ngân hàng		
- Vay dài hạn khác		
	<u>0</u>	<u>0</u>
	<u><b>0</b></u>	<u><b>0</b></u>
<b>21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang		
Tổng tài sản thuế TN hoãn lại		
	<u>0</u>	<u>0</u>
	<u><b>0</b></u>	<u><b>0</b></u>

**22- Vốn chủ sở hữu**  
*a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quý khác (Dự phòng TC)	Cộng
A	2	2	3	4	5
<b>Số dư tại ngày 30/6/2014</b>	<b>4,819,081,750,000</b>	<b>2,207,350,817,068</b>	<b>1,019,587,282,940</b>	<b>151,441,755,750</b>	<b>8,197,461,605,758</b>
Tăng vốn trong kỳ					-
Lợi nhuận trong kỳ			132,413,494,127		132,413,494,127
Tăng khác					-
Lỗ trong quý trước					-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu					-
Trích quỹ					-
Giảm khác					-
Trả cổ tức bằng tiền mặt					-
<b>Số dư tại ngày 30/9/2014</b>	<b>4,819,081,750,000</b>	<b>2,207,350,817,068</b>	<b>1,152,000,777,067</b>	<b>151,441,755,750</b>	<b>8,329,875,099,885</b>
Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi trong kỳ			(11,580,156,145)		(11,580,156,145)
- Thù lao trả Ban kiểm soát					-
- Giảm khác					-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu					-
- Trích quỹ			(136,682,000,000)		(136,682,000,000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>4,819,081,750,000</b>	<b>2,207,350,817,068</b>	<b>1,003,738,620,922</b>	<b>59,427,000,000</b>	<b>(77,255,000,000)</b>
					<b>8,241,039,943,740</b>





**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Quý 4/2014	Quý 4/2013
<b>25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ( mã số 01)</b>		
- Doanh thu bán hàng		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6,447,021,000	8,043,240,000
	<u>6,447,021,000</u>	<u>8,043,240,000</u>
<b>26- Các khoản giảm trừ doanh thu ( Mã số 02)</b>	Quý 4/2014	Quý 4/2013
- Thuế xuất khẩu	<u>0</u>	<u>0</u>
<b>27- Giá vốn hàng bán ( Mã số 11)</b>	Quý 4/2014	Quý 4/2013
- Hàng hóa đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3,240,338,202	3,240,338,202
	<u>3,240,338,202</u>	<u>3,240,338,202</u>
<b>28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)</b>	Quý 4/2014	Quý 4/2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6,167,181,469	1,192,919,167
- Lợi nhuận công ty con, công ty liên kết	100,000,000,000	294,890,000,000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	256,016	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
	<u>106,167,437,485</u>	<u>296,082,919,167</u>
<b>29- Chi phí tài chính (Mã số 22)</b>	Quý 4/2014	Quý 4/2013
- Lãi tiền vay		2,414,835,343
- Lỗ từ hoạt động đầu tư tài chính		
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		1,537,814
- Dự phòng đầu tư dài hạn	111,746,233,732	
	<u>111,746,233,732</u>	<u>2,416,373,157</u>





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn



### 30- Thu Nhập khác

- Thu từ thanh lý TSCD
- Thu phí bảo lãnh
- Thu từ cho thuê xe
- Thu nhập khác

Quý 4/2014

Quý 4/2013

1,762,158,028  
1,762,158,028

7,500,000,000  
 596,595,000  
981,089,008  
9,077,684,008

### 31- Chi phí khác

- Giá trị còn lại của TSCD đã thanh lý
- Giá trị khấu hao của TSCD cho thuê
- Chi phí khác

Quý 4/2014

Quý 4/2013

348,011,658  
348,011,658

505,201,407  
2,086,142  
507,287,549

## VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- 4 Thông tin về hoạt động liên tục:
- 5 Những thông tin khác(3):

Người lập biểu

Hoàng Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Lý Thị Ngân



Lập, ngày 06 tháng 2 năm 2015

Tổng giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Tuấn Dương